

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2017
V/v: “Ly hôn và chia tài sản khi ly
hôn giữa anh Phạm Bá P với chị
Huỳnh Thị H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nhàn

Ông Phạm Hồng Vũ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 170/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2017 về việc “Ly hôn và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Bá P, sinh năm: 1989;

Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị H, sinh năm: 1990;

Nơi cư trú: ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa anh Phạm Bá P trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị H kết hôn và đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do mai mối, sau khi kết hôn được khoảng 06 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường hay cãi vã, vợ sống không hòa đồng với gia đình bên chồng, muốn làm gì thì làm không xin phép ai, đi làm về không chào hỏi cha mẹ chồng. Vợ tự ý bỏ về sống với cha mẹ ruột, anh có đến rước về nhưng vợ không chịu về nên đã ly thân cách nay 02

tháng. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H nên yêu cầu giải quyết:

- *Về hôn nhân*: Xin ly hôn chị H.

- *Về con chung*: Không có.

- *Về tài sản chung*: Lúc kết hôn gia đình anh có cho vợ đôi bông tay 01 chỉ vàng 24K và chiếc nhẫn 04 phân 03 vàng 18K nhưng không yêu cầu chia. Tài sản chung của vợ chồng bao gồm: 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, 01 mặt mẻ đai 01 chỉ vàng 24K, 01 tấm lắc 05 chỉ vàng 24K và 01 xe mô tô biển kiểm soát: 71B2-833.20 do vợ đứng tên chủ sở hữu. Chiếc xe mô tô do cha anh dẫn chị H đi mua và đăng ký trước khi tổ chức lễ hỏi, sau đó đến ngày lễ hỏi thì chạy sang nhà chị H. Tuy nhiên, anh cho rằng xe này là cho chung vợ chồng nhưng do tin tưởng nên giao chị H đứng tên. Tất cả tài sản này hiện do chị H đang quản lý nên nay anh yêu cầu chia đôi và đề nghị chị H hoàn lại 50% giá trị bằng tiền. Về chi phí định giá tài sản anh sẽ tự nguyện chịu.

- *Về nợ chung*: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa chị Huỳnh Thị H trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh Phạm Bá P về thời gian, điều kiện, địa điểm kết hôn, con chung và nợ chung. Theo chị H, nguyên nhân mâu thuẫn là do cha mẹ chồng khó dễ và khúc mắc với con dâu, cha mẹ chồng không tôn trọng và xúc phạm con dâu. Chồng chửi và đuổi chị nhiều lần, chồng kêu chị ly hôn, nói là không muốn sống chung với chị nữa. Hiện tại vợ chồng đã ly thân, chị đã về sống chung cha mẹ ruột. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh P nên yêu cầu giải quyết:

- *Về hôn nhân*: Đồng ý ly hôn anh P.

- *Về con chung*: Không có.

- *Về tài sản chung*: Chị thống nhất với các tài sản mà anh P liệt kê. Các tài sản này do phía bên chồng cho trong ngày lễ hỏi. Số nữ trang chị đã bán để trị bệnh nên không còn. Xe mô tô biển kiểm soát: 71B2-833.20 do phía chồng cho và chị cũng đã đứng tên là tài sản của chị nên không đồng ý chia. Tuy nhiên, nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh P thì chị đồng ý hoàn lại cho anh P bằng tiền.

- *Về nợ chung*: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm như sau:

- *Về tố tụng*: Người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh P và chị H. Đình chỉ một phần yêu cầu của anh P về việc yêu cầu chia tài sản là đôi bông tay 01

chỉ vàng 24K, chiếc nhẫn 04 phân 03 vàng 18K, số tiền 12.000.000 đồng tiền cổ bàn trong ngày lễ hỏi, số tiền 10.000.000 đồng cho cô dâu trong ngày lễ hỏi và điện thoại di động hiệu Samsung. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh P về việc chia tài sản là sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, mặt mẻ đai 01 chỉ vàng 24K và tấm lắc 05 chỉ vàng 24K. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh P về việc chia tài sản là xe mô tô biển kiểm soát: 71B2-833.20.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, kết quả tranh luận và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Phạm Bá P yêu cầu ly hôn chị Huỳnh Thị H đồng thời yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn và chia tài sản khi ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị H hiện đang cư trú tại huyện M, tỉnh Bến Tre. Do đó, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh P và chị H thống nhất với nhau về thời gian, điều kiện, địa điểm kết hôn, con chung và nợ chung. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, anh P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản là đôi bông tay 01 chỉ vàng 24K, chiếc nhẫn 04 phân 03 vàng 18K, số tiền 12.000.000 đồng tiền cổ bàn trong ngày lễ hỏi, số tiền 10.000.000 đồng cho cô dâu trong ngày lễ hỏi và điện thoại di động hiệu Samsung. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp quy định pháp luật nên cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 219 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ đối với yêu cầu này của anh P là phù hợp.

Anh P và chị H kết hôn và đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải nhằm tạo cơ hội để anh P và chị H đoàn tụ nhưng không thành. Tại phiên tòa anh P và chị H thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng thực tế đã phát sinh từ lâu, không thể hàn gắn được nên thuận tình ly hôn. Do đó, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh P và chị H là phù hợp.

Về con chung: Anh P và chị H đều khai không có nên không xem xét.

Về tài sản chung: Anh P xác định tài sản chung của vợ chồng bao gồm 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, 01 mặt mẻ đai 01 chỉ vàng 24K, 01 tấm lắc 05 chỉ vàng

24K và 01 xe mô tô biển kiểm soát: 71B2-833.20 do chị H đứng tên chủ sở hữu. Do đó, anh P yêu cầu chia đôi nhận 50% giá trị bằng tiền. Chị H thừa nhận toàn bộ khối tài sản như anh P liệt kê do phía bên chồng cho trong ngày lễ hỏi và do chị cất giữ. Tuy nhiên, chị H không đồng ý chia với lý do toàn bộ số nữ trang chị đã bán để trị bệnh nên không còn, xe mô tô do chị đứng tên nên không đồng ý chia.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị H thừa nhận sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, mặt mè đai 01 chỉ vàng 24K và tám lắc 05 chỉ vàng 24K có nguồn gốc do bên chồng cho trong ngày lễ hỏi. Chị H thừa nhận khối tài sản này chị cất giữ nhưng chị cho rằng đã bán để trị bệnh nên không còn, chị cũng thừa nhận khi bán cũng không báo cho anh P biết đồng thời chị cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh số tài sản này do cha mẹ chồng cho riêng chị. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định số tài sản này là tài sản chung của vợ chồng anh P và chị H.

Anh P thừa nhận xe mô tô biển kiểm soát: 71B2-833.20 do cha anh dẫn chị H đi mua và đăng ký trước khi tổ chức lễ hỏi, sau đó đến ngày lễ hỏi thì chạy sang nhà chị H. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định xe mô tô biển kiểm soát: 71B2-833.20 cho riêng chị H nên là tài sản riêng của chị H.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở khẳng định sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, mặt mè đai 01 chỉ vàng 24K và tám lắc 05 chỉ vàng 24K là tài sản chung của vợ chồng anh P và chị H nên cần chấp nhận yêu cầu của anh P về việc chia số tài sản này. Đối với xe mô tô biển kiểm soát: 71B2-833.20 do chị H đứng tên chủ sở hữu là tài sản riêng của chị H nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh P về việc chia tài sản này.

Giá vàng 24K tại thời điểm xét xử (ngày 17/8/2017) là 3.500.000 đồng/chỉ. Do đó, cần buộc chị H hoàn lại cho anh P 50% giá trị tài sản với số tiền 3.500.000 đồng/chỉ x 5,5 chỉ vàng 24K = 19.250.000 đồng.

[3] *Về chi phí thu thập chứng cứ*: Chi phí định giá tài sản là 200.000 đồng, anh P tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về án phí*:

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, anh P có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai số: 0007805 ngày 26/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Án phí dân sự sơ thẩm anh P có nghĩa vụ chịu với số tiền 19.250.000 đồng x 05% = 962.500 đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai số: 0007806 ngày 26/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho anh P số tiền 50.500 đồng theo biên lai nêu trên.

Án phí dân sự sơ thẩm chị H có nghĩa vụ chịu với số tiền 19.250.000 đồng x 05% = 962.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.
- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 219 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Bá P về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm đôi bông tay 01 chỉ vàng 24K, chiếc nhẫn 04 phân 03 vàng 18K, số tiền 12.000.000 đồng tiền cổ bàn trong ngày lễ hỏi, số tiền 10.000.000 đồng cho cô dâu trong ngày lễ hỏi và điện thoại di động hiệu Samsung.

1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Bá P và chị Huỳnh Thị H.

2. *Về con chung*: Không có.

3. *Về tài sản chung*: Chị Huỳnh Thị H có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Phạm Bá P 50% giá trị tài sản chung của vợ chồng (sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, mặt mẽ đai 01 chỉ vàng 24K và tấm lắc 05 chỉ vàng 24K) với số tiền 19.250.000 (Mười chín triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. *Về nợ chung*: Không có.

5. *Về chi phí thu thập chứng cứ*: Chi phí định giá tài sản là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, anh Phạm Bá P tự nguyện chịu.

6. *Về án phí*:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh Phạm Bá P có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai số: 0007805 ngày 26/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự sơ thẩm anh Phạm Bá P có nghĩa vụ chịu với số tiền 962.500 (Chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai số: 0007806 ngày 26/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho anh Phạm Bá P số tiền 50.500 (Năm mươi nghìn năm trăm) đồng theo biên lai nêu trên.

- Án phí dân sự sơ thẩm chị Huỳnh Thị H có nghĩa vụ chịu với số tiền 962.500 (Chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Tiến Dũng